

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 11 - 2019

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH,
TỈNH TÂY NINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Trang**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Văn Khắc**;

2. Bà **Võ Thị Trâm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 758/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thái Thị Thu M**, sinh năm 1978;

Địa chỉ cư trú: 5/3 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Văn S**, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: H445 ấp X, xã Y, huyện C, tỉnh D (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Thái Thị Thu M trình bày:

Chị và anh Đặng Văn S chung sống như vợ chồng từ năm 2003, trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của chị và anh S không có hạnh phúc do không hợp tính tình. Ngoài ra, anh S thường xuyên đi chơi về khuya, không quan tâm đến gia đình nên chị không tin tưởng anh S về tình cảm. Chị và anh S sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh S.

Anh, chị chung sống có 01 người con chung tên Đặng Hải H, sinh ngày 22/10/2004, hiện đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh S chung sống không có tài sản chung cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không có ai khác nợ lại vợ chồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh Đặng Văn S thể hiện:

Anh S thống nhất lời trình bày của chị M về thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Do trong thời gian sống chung anh và chị M không tin tưởng nhau về tình cảm nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Chị M, anh S vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh S là có căn cứ theo các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị M, anh S chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị M, anh S là vợ chồng. Giao con chung tên Đặng Hải H, sinh ngày 22/10/2004 cho chị M nuôi dưỡng, ghi nhận chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ

chung, các đương sự trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Chị M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Thái Thị Thu M và anh Đặng Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh S theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị M, anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 do tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn, vi phạm Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị M cho rằng vợ chồng chỉ sống chung được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, ngoài ra, anh S thường xuyên về trễ, không quan tâm đến gia đình nên chị không tin tưởng anh S về tình cảm. Anh S cũng thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn như chị M trình bày và thống nhất vợ chồng sống ly thân từ năm 2004 cho đến nay. Nay chị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S cũng đồng ý ly hôn nhưng không thể xem xét cho anh, chị thuận tình ly hôn mà căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận chị M, anh S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị M và anh S chung sống có 01 con chung tên Đặng Hải H, sinh ngày 22/10/2004. Xét yêu cầu được nuôi con chung của chị M thấy rằng, cháu H sống ổn định với chị M từ lúc vợ chồng sống ly thân cho đến nay, qua tham khảo ý kiến của cháu H thì cháu H cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ, anh S cũng đồng ý giao con chung cho chị M nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị M nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Sau khi ly hôn, anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Thái Thị Thu M phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 58, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận chị Thái Thị Thu M và anh Đặng Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Thái Thị Thu M được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đặng Hải H, sinh ngày 22/10/2004.

Ghi nhận chị M không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thái Thị Thu M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008065 ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị M đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Thị Thùy Trang